

Số: **83** /NQ-HĐND

Nam Giang, ngày 18 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 11/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 với những nội dung chính như sau:

1. Tổng vốn đầu tư công năm 2021: 73,633 tỷ đồng, bao gồm:

- 1.1. Nguồn vốn XDCB tập trung ngân sách huyện: 17,8 tỷ đồng.
- 1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện: 5 tỷ đồng.
- 1.3. Nguồn thu phí môi trường, SN môi trường NS huyện: 9 tỷ đồng.
- 1.4. Nguồn khác ngân sách huyện: 10 tỷ đồng.
- 1.5. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư: 31,833 tỷ đồng.

a. Hỗ trợ từ nguồn XDCB tập trung: 8,438 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ thôn đặc biệt khó khăn trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (QĐ 1385/QĐ-TTg): 3,745 tỷ đồng.
- Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở: 4,693 tỷ đồng.

b. Hỗ trợ từ nguồn thu sử dụng đất: 2 tỷ đồng.

- Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (2 xã điểm Tà Bỉnh và La Dê về đích năm 2024 và 2025): 2 tỷ đồng.

c. Hỗ trợ từ nguồn tiết kiệm chi: 21,395 tỷ đồng, trong đó:

- Thanh toán nợ KCH kênh mương và Thủy lợi nhỏ: 0,895 tỷ đồng.
- Phát triển KT-XH các xã biên giới (NQ 16/TW): 12 tỷ đồng.
- Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với phát triển vùng nguyên liệu: 5,5 tỷ đồng.
- Hỗ trợ sắp xếp dân cư theo Nghị quyết 12/NQ-HĐND: 3 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục đầu tư kèm theo phụ lục số 01)

2. Danh mục đầu tư công 2021 chưa được bố trí vốn: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2021 là 191,035 tỷ đồng.

2.1. Đường giao thông nội bộ kết hợp kè gia cố mái taluy suối Khe Diêng khu TTHC huyện Nam Giang, dự kiến là 20 tỷ đồng.

2.2. Ổn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4, dự kiến là 40,535 tỷ đồng.

2.3. Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 88/2019/QH14 và Nghị Quyết 120/2020/QH14, Dự kiến 43 tỷ đồng.

2.4. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025 Dự kiến 27,5 tỷ đồng.

2.5. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 – 2025, Dự kiến 60 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục đầu tư kèm theo phụ lục số 02)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân huyện phân giao vốn đầu tư công năm 2021 cho các ngành, địa phương theo Nghị quyết này; đồng thời, quản lý, điều hành dự toán vốn đầu tư công theo đúng các quy định của Nhà nước. Trong quá trình chỉ đạo điều hành, nếu có những phát sinh cấp bách cần phải điều chỉnh, bổ sung thì Ủy ban nhân dân huyện thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện để điều chỉnh, bổ sung.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện phân bổ, quản lý điều hành vốn các chương trình mục tiêu của Trung ương, của tỉnh chưa được phân bổ từ đầu năm để thực hiện theo đúng mục tiêu của Trung ương, tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên cùng phối hợp triển khai tuyên truyền, động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND huyện khoá XI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2020.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Ban thường vụ Huyện uỷ;
- HĐND, UBND, UBMT TQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND khoá XI;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

La Lim Hậu

**PHỤ LỤC SỐ 01****KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số **83** /NQ-HĐND, ngày **18** / **12**/2020 của
Hội đồng nhân dân huyện Nam Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG SỐ		427.604	250.023	73.633	
A	NGÂN SÁCH HUYỆN		368.773	222.226	41.800	
I	Nguồn XDCB tập trung		295.327	191.756	17.800	
a	Công trình hoàn thành		154.328	119.325	3.765	
1	Trường tiểu học Thạnh Mỹ: HM: Khối hiệu bộ, khối học, nhà vệ sinh	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.607	6.200	407	
2	Trụ sở UBND xã Đắc Pring; HM: Khối hội trường		1.948	1.557	200	
3	Đường vào khu dân cư trường dân tộc nội trú huyện Nam Giang; hạng mục: Nền, mặt đường và công trình	Ban QLDA ĐTXD huyện	5.036	4.650	264	
4	Khai hoang đồng ruộng khu định canh định cư Pà Xua		3.213	1.845	28	
5	Đường GTNT thôn Dung thị trần Thạnh Mỹ	//	300	250	50	
6	Khu tái định cư thôn Pà Căng, xã Cà Dy; HM: San nền và đường giao thông	//	9.530	8.500	218	
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thạnh Mỹ 3, thị trấn Thạnh Mỹ	//	947	900	40	
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pà Lanh, xã Cà Dy	//	1.172	967	50	
9	Kè chắn đất Trạm y tế + kè chắn đất và tường rào Trường mẫu giáo xã Tà Pơơ	//	2.211	537	21	
10	Trường tiểu học Thạnh Mỹ: HM: Nhà ăn, nhà công vụ, nhà xe, tường rào, sân vườn	//	4.490	3.526	200	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	Trường tiểu học Thạnh Mỹ: HM: Xây dựng mới đường dây hạ thế cấp điện Trường tiểu học Thạnh Mỹ	//	697	550	37	
12	Bồi thường, hỗ trợ và GPMB công trình: Sân vận động huyện Nam Giang	//	16.082	11.679	500	
13	Đường vào sân vận động huyện Nam Giang (Giai đoạn 1), Lý trình: Km0+00-Km0+147,22; Hạng mục: Nền, mặt đường và thoát nước	//	9.203	6.776	100	
14	Đường vào sân vận động huyện Nam Giang (Giai đoạn 3)	//	10.812	9.850	358	
15	Trường PTDTBT THCS Chà vâl - Zuôih	//	1.325	1.138	91	
16	Cấp điện các xã vùng cao huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (mượn vốn ODA để GPMB phải trả lại 2,096 tỷ)	//	44.016	30.828	96	
17	Cấp điện các xã vùng cao huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (phần GPMB)	//	3.352	3.314	38	
18	Sân nền Chợ Thạnh Mỹ + Khu tái định cư khu phố chợ Thạnh Mỹ	//	2.195	1.809	150	
19	Trường THCS liên xã Chà Vâl - Zuôich.	//	9.061	5.000	116	
20	Đường giao thông đến trung tâm xã Đắc Pring	//	13.915	13.699	300	
21	Chợ Thạnh Mỹ: Hạng mục: Nhà chợ chính	//	8.217	5.750	500	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
b	Công trình chuyển tiếp		72.680	31.922	8.375	
1	Sân ủi mặt bằng bố trí đất xây dựng cho các cơ quan hành chính sự nghiệp và ngành dọc huyện Nam Giang (giai đoạn 2); hạng mục: Lô HC5, HC6, HC7, HC9, TDC 20 và CC4.	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.863	7.000	500	
2	Sân nền Khu thương mại - dịch vụ thuộc khu quy hoạch trung tâm hành chính (mới) tại thị trấn Thanh Mỹ, ký hiệu lô từ TM7, TM8, TM11, TM13		7.891	5.807	500	
3	Đường vào Trường tiểu học Thanh Mỹ (mới)	//	1.500	1.250	50	
4	Khu Tái định cư thôn Mực; hạng mục: Lô CL17+HT21+HC.13, Lô CL16+TDC.23, Lô CL15+HT.17+HT.18, Lô CL14+HT.11, Lô HT.12, Lô HT.9+CL.9, Lô HT.8+CL.8, Lô CL.11+TDC.22, Lô CL.10+TDC.21, Lô HT.10+CL.17, Lô CL.5+CL.6	//	7.500	3.500	1.765	
5	Sân, đường nội bộ UBND huyện	//	1.500	900	200	
6	Sân nền tái định cư khu C và khu D (Đường vào sân vận động)	//	1.500	972	100	
7	Sân nền Khu khai thác quặng đất quanh sân vận động	//	3.000	1.800	500	
8	Trường Tiểu học Thanh Mỹ; hạng mục: Nhà đa năng và 6 phòng học	//	6.000	1.800	1.000	
9	Đường nhánh tái định cư quanh sân vận động huyện	//	3.500	2.500	300	



STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10	Kè chắn đất, mương thoát nước khu tái định cư A, C đường vào sân vận động huyện Nam Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.055	500	200	
11	Nhà kho, phòng máy điện, bê tông nền, sân khuôn viên Trung tâm hội nghị huyện		1.200	500	300	
12	Khuôn viên cảnh quang trụ sở HĐND - UBND huyện	//	1.100	500	200	
13	Sạp, kió chợ Thanh Mỹ	//	2.500	443	500	
14	Vòng xuyên nút giao thông G37 đường vào TT Hành chính huyện	//	1.000	300	300	
15	Sân vận động các hạng mục phụ trợ, đường chạy	//	800	250	260	
16	Sân luyện tập thể dục - thể thao Trường PTDT bán trú THCS liên xã La Dêê - Đắc Tôi	//	700	400	100	
17	Tường rào, sân bê tông Trường PTDT bán trú THCS liên xã La Dêê - Đắc Tôi	//	600	200	100	
18	Đường giao thông khu trung tâm hành chính mới (trước Huyện ủy - HĐND - UBND huyện); hạng mục: Nền, mặt đường và công trình.	//	11.571	3.300	1.000	
19	Đường vào chợ Thanh Mỹ (Nút N9-N7-N6); hạng mục: Nền, mặt đường và công trình.	//	4.900	-	500	
c	Công trình khởi công mới		2.950	-	1.200	
1	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp huyện Nam Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.000		700	
2	Tường rào, cổng ngõ UBND xã Chợ Chun		950		500	
d	Đối ứng Trung tâm hành chính huyện		65.368	40.509	2.460	
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy Nam Giang	//	35.005	24.809	300	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	Trụ sở làm việc Huyện ủy Nam Giang; HM: Nhà ăn, nhà công vụ, nhà bảo vệ, kè và mương thoát nước, đường GTnội bộ, tường rào cổng ngõ, nhà xe	Ban QLDA ĐTXD huyện	11.000		700	
3	Tổ hợp khu văn hóa + sân vận động huyện (kể cả hệ thống điện và điện chiếu sáng)		19.363,243	15.700	1.460	
<i>e</i>	Đối ứng nông thôn mới				2.000	
II	Nguồn thu sử dụng đất ngân sách huyện		13.800	-	5.000	
1	Đường vào chợ Thạnh Mỹ (Nút N9-N7-N6); hạng mục: Nền, mặt đường và công trình.	Ban QLDA ĐTXD huyện	4900	-	500	
2	Đối ứng Đường vào khu nguyên liệu xã Tà Bùng.		36300		500	
3	Đối ứng Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị quyết 88/2019/QH14 và Nghị quyết 120/2020/QH14				1.000	
4	Khu khai thác quỹ đất thôn Pà Dấu 1, thị trấn Thạnh Mỹ (Giai đoạn 2)	BQL quỹ đất và đô thị	13.800		3.000	
III	Ngân sách huyện, nguồn thu phí môi trường và sự nghiệp môi trường		24.000	-	9.000	
1	Khu xử lý rác thải Chà Vål	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.000		7.000	
2	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ (quy mô 4 Ha; Đường vào 1 Km; Đường nội bộ 0,5 Km)		10.000		2.000	
IV	Nguồn Ngân sách huyện		35.646	30.470	10.000	
<i>a</i>	Đối ứng kiên cố hóa đường huyện ĐH		21.497	20.699	700	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Kiên cố hóa mặt đường ĐH.3NG; hạng mục: Nền+Mặt đường+Rãnh thoát nước; Lý trình: Km17+950-Km20+400 (2,45 Km)	Phòng KT và HT	6.779	6.723	25	
2	Kiên cố hóa mặt đường ĐH.3NG; hạng mục: Nền+Mặt đường+Rãnh thoát nước; Lý trình: Km20+400-Km22+400 (2 Km)	Phòng KT và HT	5.493	5.372	70	
3	Kiên cố hóa mặt đường ĐH.3NG; hạng mục: Nền+Mặt đường+Rãnh thoát nước; Lý trình: Km13+770 - Km14+692; Km15+553 - Km16+500 (Dài 1,869 Km)	Phòng KT và HT	5.544	5.054	480	
4	Kiên cố hóa mặt đường ĐH.3NG; hạng mục: Nền+Mặt đường+Rãnh thoát nước; Lý trình: Km22+400 - Km23+431 (Dài 1,031 Km)	Phòng KT và HT	3.680	3.550	125	
b	Đổi ứng kiên cố hóa đường giao thông nông thôn		2.117	1.633	300	
1	Kiên cố hóa GTNT xã Tà Bhing - 2018 - Gói 1	UBND xã Tà Bhing	567,018	408	100	
2	Kiên cố hóa GTNT xã Chà Vål - 2018	UBND xã Chà Vål	1.550	1.225	200	
c	Đổi ứng nông thôn mới		12.032	8.138	870	
1	Trường mẫu giáo thôn Đắc Ngọt, xã La ÊÊ; hạng mục: 02 phòng học.	Ban QLDA	1.538	1.218	83	
2	Trường mẫu giáo thôn 47-49, xã Đắc Rìng; hạng mục: 02 phòng học.	ĐTXD huyện	1.542	1.190	197	
3	Khu văn hoá thể thao xã Đắc Tôi; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, tường rào, khán đài.	//	1.091	1.032	60	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	Hệ thống nước sinh hoạt khu trung tâm hành chính xã Chợ Chun	BQL CT 135	2.306	2.175	130	
5	Trường PTDT bán trú THCS liên xã La Dê -Đắc Tô; Hạng mục: 12 phòng ở học sinh, nhà ăn + nhà vệ sinh học sinh.	UBND xã La Dê	4.674	2.083	300	
6	Nhà văn hóa thôn A Bát, xã Chà Vål.	Ban QLDA ĐTXD	882	440	100	
d	Đổi ứng các công trình nông thôn mới theo QĐ 1385/QĐ-TTg				1.130	
e	Đổi ứng Chương trình 135				1.000	
1	Đường giao thông thôn Lơ Bơ B giai đoạn 2 xã Chà Vål; hạng mục nền mặt đường và công trình; lý trình Km0+00-Km0+467,82	BQL CT 135			320	
2	Nâng cấp đường giao thông thôn 58 xã Đắc Pre; hạng mục nền mặt đường và công trình; lý trình: Km0+00-Km0+400,69	BQL CT 135			177	
3	Đường giao thông thôn Vinh xã Tà Pơ; hạng mục nền mặt đường và công trình; lý trình Km0+00-Km0+406,64	BQL CT 135			225	
4	Đường giao thông thôn Đắc Tà Vân, xã Đắc Tô	BQL CT 135			278	
g	Đổi ứng Đường DH, năm 2021	Phòng KT và HT			1.500	
h	Đổi ứng GTNT, năm 2021	Các xã			500	
k	Đổi ứng Chương trình nông thôn mới năm 2021	Các xã			1.000	
l	Đổi ứng Chương trình CTMTQG Giảm nghèo năm 2021	Các xã			1.000	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>m</i>	<i>Đổi ứng Chương trình phát triển vùng</i>	UBND huyện			2.000	
B	NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH		58.831	27.797	31.833	
I	Ngân sách tỉnh nguồn XDCB tập trung		20.669	10.747	3.745	
	Hỗ trợ thôn đặc biệt khó khăn trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (QĐ 1385/QĐ-TTg)		20.669	10.747	3.745	
<i>a</i>	<i>Xã Chợ Chun (3 thôn)</i>		<i>5.263,5</i>	<i>2.607,5</i>	<i>802,5</i>	
1	Đường giao thông nội đồng Ry Nghi, thôn Côn Zốt, xã Chợ Chun; Hạng mục: Nền, mặt đường	UBND xã Chợ Chun	2.548,5	1.342,0	299,0	
2	Đường bê tông giao thông nông thôn, thôn BLăng, xã Chợ Chun (GD 1); HM: Nền, mặt đường	//	1.169,0	558,0	236,0	
3	Đường bê tông giao thông nông thôn, thôn A Xòo, xã Chợ Chun, xã Chợ Chun (GD 1); HM: Nền, mặt đường	//	1.546,0	707,5	267,5	
<i>b</i>	<i>Xã La ÊÊ (3 thôn)</i>		<i>5.942,7</i>	<i>3.619,5</i>	<i>802,5</i>	
1	Đường bê tông giao thông nông thôn, thôn Đắc Ngọt, xã La ÊÊ(GD 1); HM: Nền, mặt đường	UBND xã La ÊÊ	2.700,8	1.845,5	267,5	
2	Đường bê tông nông thôn, thôn Pà Oai, xã La ÊÊ; HM: Nền, mặt đường (GD 2)	//	1.933,1	1.111,5	267,5	
3	Đường bê tông nông thôn, thôn Pa Lan, xã La ÊÊ, HM: Nền, mặt đường và cống thoát nước (GD 2)	//	1.308,8	662,5	267,5	



STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>c</i>	<i>Xã Đắc Pre (4 thôn)</i>		5.143,8	2.495,0	1.070,0	
1	Đường bê tông nông thôn, thôn 58, xã Đắc Pre (GD 1), HM: Nền, mặt đường	UBND xã Đắc Pre	1.211,5	569,5	267,5	
2	Đường bê tông nông thôn, thôn 57, xã Đắc Pre (GD 1), HM: Nền, mặt đường	//	1.559,8	697,5	267,5	
3	Đường bê tông nông thôn, thôn 56A, xã Đắc Pre (GD 1), HM: Nền, mặt đường	//	1.059,4	584,5	267,5	
4	Đường bê tông nông thôn, thôn 56B, xã Đắc Pre (GD 1), HM: Nền, mặt đường	//	1.313,1	643,5	267,5	
<i>d</i>	<i>Xã Đắc Pring (4 thôn)</i>		4.319,4	2.025,0	1.070,0	
1	Đường bê tông nông thôn, thôn 47, xã Đắc Pring (GD 1), HM: Nền, mặt đường	UBND xã Đắc Pring	1.124,5	500,0	267,5	
2	Đường bê tông nông thôn, thôn 48, xã Đắc Pring (GD 1), HM: Nền, mặt đường	//	898,8	512,5	267,5	
3	Đường bê tông nông thôn, thôn 49A, xã Đắc Pring (GD 1), HM: Nền, mặt đường	//	887,8	512,5	267,5	
4	Đường bê tông nông thôn, thôn 49B, xã Đắc Pring (GD 1), HM: Nền, mặt đường	//	1.408,3	500,0	267,5	
II	Ngân sách tỉnh nguồn thu sử dụng đất		-	-	2.000	
	Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					
<i>a</i>	<i>Xã Tà Bhing (xã NTM 2024)</i>				1.000	
<i>b</i>	<i>Xã La Dêê (xã NTM 2025)</i>				1.000	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
III	Ngân sách tỉnh nguồn tiết kiệm chi		38.162	17.050	18.395	
a	Thanh toán nợ kiên cố hóa kênh mương và thủy lợi nhỏ				895	
1	Kiên cố hóa kênh thủy lợi khe Ga Ghiêr, xã La Dêê				15	
2	Thủy lợi Pà Lăng - Xã Chợ Chun	Phòng NN và PTNT			92	
3	Nâng cấp thủy lợi Đắc Ngol, xã La ÊÊ				88	
4	Hệ thống thủy lợi cánh đồng Doong, thôn Pà Oai, xã La ÊÊ	UBND xã La ÊÊ			700	
b	Nghị quyết 16/TW (NQ 48/HĐND Tỉnh)		38.162	17.050	12.000	
	Công trình hoàn thành					
1	Đường ra vùng sản xuất thôn Côn Zốt 2, xã Chợ Chun	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.970	2.500	1.470	
2	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất xã Đắc Pre		3.793	2.000	1.000	
3	Cầu bản qua vùng sản xuất thôn 56B xã Đắc Pre	//	3.177	2.000	1.000	
4	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất xã Đắc Pring (Giai đoạn 1)	//	5.103	4.000	1.103	
5	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS liên xã La ÊÊ - Chợ Chun; hạng mục: 10 phòng học + 4 phòng chức năng	//	7.832	4.000	1.436	
6	Trường PTDTBT Tiểu học liên xã La Dêê - Đắc Tôi; hạng mục: Tường rào cổng ngõ, sân nền	//	1.783	1.550	233	



STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Công trình chuyển tiếp					
7	Đường giao thông thôn Đắc Hlôi	UBND xã La Dê	2.704	1.000	1.016	
	Công trình khởi công mới					
8	Cầu bê tông cốt thép Đắc Tà Vâng	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.000		1.891	
9	Sửa chữa lớn mặt đường bê tông tuyến Đắc Ôôc đi Công Tờ Ron	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.000		984	
10	Trường tiểu học liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; Hạng mục: Khu nội trú học sinh 10 phòng + nhà ăn, bếp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.900		897	
11	Tường rào, cổng ngõ, khán đài, sân bóng chuyền thuộc Khu thể thao + văn hóa xã Chợ Chun.	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.900		970	
c	Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với phát triển vùng nguyên liệu				5.500	
1	Đường vào khu nguyên liệu xã Tà Bhing.	Ban QLDA ĐTXD	36.300		5.500	
III	Chi đầu tư phát triển khác		-	-	7.693	
a	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư (nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh)				3.000	
1	Thanh Mỹ (04 hộ)	UBND TT Thanh Mỹ			260	
2	Cà Dy (05 hộ)	UBND xã Cà Dy			300	
3	Tà Bhing (04 hộ)	UBND xã Tà Bhing			260	
4	Tà Pơơ (03 hộ)	UBND xã Tà Pơơ			190	
5	Chà Vål (03 hộ)	UBND xã Chà Vål			190	
6	Zuôih (03 hộ)	UBND xã Zuôih			190	
7	Đắc Tỏi (04 hộ)	UBND xã Đắc Tỏi			260	



STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Đắc Pre (04 hộ)	UBND xã Đắc Pre			260	
9	Đắc Pring (04 hộ)	UBND xã Đắc Pring			260	
10	La Dê (05 hộ)	UBND xã La Dê			320	
11	La Ê (03 hộ)	UBND xã La Ê			190	
12	Chơ Chun (05 hộ)	UBND xã Chơ Chun			320	
b	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở (nguồn XDCB tập trung ngân sách tỉnh)				4.693	
1	Thị trấn Thanh Mỹ (29 hộ làm mới + 04 hộ sửa chữa)	UBND TT Thanh Mỹ			1.178	
2	Cà Dy (14 hộ làm mới)	UBND xã Cà Dy			532	
3	Tà Bhing (27 hộ làm mới)	UBND xã Tà Bhing			1.026	
4	Tà Pơơ (02 hộ làm mới + 03 hộ sửa chữa)	UBND xã Tà Pơơ			133	
5	Chà Vål (13 hộ làm mới)	UBND xã Chà Vål			494	
6	Zuôih (03 hộ làm mới)	UBND xã Zuôih			114	
7	Đắc Tời (06 hộ làm mới + 02 hộ sửa chữa)	UBND xã Đắc Tời			266	
8	Đắc Pre (06 hộ làm mới)	UBND xã Đắc Pre			228	
9	Đắc Pring (10 hộ làm mới)	UBND xã Đắc Pring			380	
10	La Dê (02 hộ làm mới)	UBND xã La Dê			76	
11	La Ê (04 hộ làm mới)	UBND xã La Ê			152	
12	Chơ Chun (03 hộ làm mới)	UBND xã Chơ Chun			114	

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 CHƯA ĐƯỢC BỎ TRÍ VỐN
 (Kèm theo Nghị quyết số **83** /NQ-HĐND, ngày **18** / **12**/2020 của
 Hội đồng nhân dân huyện Nam Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Dự kiến Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG SỐ		660,160	-	191,035	
A	NGÂN SÁCH TỈNH		120,000		20,000	
1	Đường giao thông nội bộ kết hợp kê gia cố mái taluy suối Khe Diêng khu TTHC huyện Nam Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	120,000	-	20,000	
B	NGÂN SÁCH TW VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		540,160	0	171,035	
1	Ổn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4	Ban QLDA ĐTXD huyện	100,000	-	40,535	
1	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt khe Ha Ty, khu A, thôn Pà Rum, xã Zuôi	//	1,210		1,210	
2	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt Tổ 1 và 3, khu B, thôn Pà Rum, xã Zuôi	//	940		940	
3	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt Tổ 2 và 4, khu B, thôn Pà Rum, xã Zuôi	//	1,110		1,110	
4	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt khe Tura, thôn Pà Đhí, xã Zuôi	//	1,070		1,070	
5	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt Cụm dân cư Pà Păng, thôn Tơ Pơ, xã Tà Pơ	//	670		670	
6	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt khe Zuôi, thôn Pà Đhí, xã Zuôi	//	1,210		1,210	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Dự kiến Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt suối Chơ Rpo, cụm dân cư Thôn 2, thôn Tơ Pơ, xã Tà Pơ	//	2,730		2,730	
8	Nâng cấp thủy lợi Cơ Roor, cụm dân cư Pà Păng, thôn Tơ Pơ, xã Tà Pơ	//	470		470	
9	Nâng cấp thủy lợi Chà Rường, cụm dân cư Pà Păng, thôn Tơ Pơ, xã Tà Pơ	//	1,125		1,125	
10	Đường giao thông ra vùng sản xuất cụm dân cư Thôn 2, thôn Tơ Pơ xã Tà Pơ	//	14,990		5,000	
11	Đường giao thông và khu tái định cư mở rộng cụm dân cư thôn 2, thôn Tơ Pơ xã Tà Pơ	//	14,640		5,000	
12	Đường giao thông ra vùng sản xuất khu B, thôn Pà Rum, xã Zuôih	//	14,980		5,000	
13	Đường giao thông và khu tái định cư mở rộng khu B, thôn Pà Rum, xã Zuôih	//	14,850		5,000	
14	Đường giao thông ra vùng sản xuất khu A, thôn Pà Rum, xã Zuôih	//	15,000		5,000	
15	Đường giao thông ra vùng sản xuất và khu tái định cư mở rộng thôn Pà Đhí, xã Zuôih	//	14,990		5,000	
II	Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 88/2019/QH14 và Nghị Quyết 120/2020/QH14		150,501	-	43,000	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Dự kiến Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
III	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		59,659	-	27,500	
<i>a</i>	<i>Xã Cà Dy</i>		<i>6,822</i>	<i>-</i>	<i>2,500</i>	
1	Đường GTNT cụm Rô thôn Pà Dá		3,300		1,064	
2	Khu thể thao thôn Pà Dá		600		77	
3	Khu thể thao thôn Cà Lai		600		77	
4	Trường PTDTBT tiểu học Cà Dy; HM:05 phòng hiệu bộ		1,400		757	
5	Trường PTDTBT tiểu học Cà Dy; HM:03 phòng công vụ giáo viên		922		525	
<i>b</i>	<i>Xã Tà Bhing</i>		<i>5,640</i>	<i>-</i>	<i>2,500</i>	
1	Đường GTNT thôn Ga Lêê ;Địa điểm: từ đất rẫy của Ông Huệ – đến nhà ông Arát Gỏi		2,640		1,067	
2	Nghĩa trang nhân dân xã Tà Bhing		2,000		713	
3	Trường mẫu Tà Bhing (điểm trường chính thôn A Liêng; HM:		1,000		720	
<i>c</i>	<i>Xã Tà Pơr</i>		<i>6,280</i>	<i>-</i>	<i>2,500</i>	
1	Cầu BTCT vào khu dân cư Pà Păng (Thôn Tơ Pơ); HM: Cầu, đường dẫn vào đầu cầu		3,780		1,431	
2	Đường dân sinh thôn Pà Tòih đi xuống khe Zr' lô		2,000		910	
3	Nâng cấp thủy lợi thôn Vinh (khe A Choong)		500		159	
<i>d</i>	<i>Xã Chà Vâl</i>		<i>6,650</i>	<i>-</i>	<i>2,500</i>	
1	Đường GTNT liên thôn cụm La Bơ A - A Dinh, xã Chà Vâl		4,400		1,204	
2	Trường PTDTBT tiểu học Chà Vâl; HM: 01 nhà vệ sinh học sinh; Địa điểm: Thôn A Bát, xã Chà Vâl		750		351	
3	Trường mẫu giáo Chà Vâl; HM: nhà ăn học sinh, nhà vệ sinh giáo viên; Địa điểm: Thôn La Bơ, xã Chà Vâl		900		567	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Dự kiến Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	Trường mẫu giáo Chà Vài; HM: nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng công vụ giáo viên; Địa điểm: Thôn A bát, xã Chà Vài		600		378	
<i>e</i>	<i>Xã Đắc Tô</i>		4,592	-	2,500	
1	Đường GTNT thôn Đắc Ro, xã Đắc Tô. Địa điểm: từ ngã 3 nhà ông Tượng lên ngược nhà ông Huỳnh		500		207	
2	Cầu BTCT tại thôn Đắc Tà Vâng, xã Đắc Tô; HM: Cầu và đường dẫn vào đầu cầu. Địa điểm: từ nhà Ông Zơ Râm Nguyên đến nhà Văn hóa thôn.		4,092		2,293	
<i>f</i>	<i>Xã Đắc Pre</i>		4,750	-	2,500	
1	Cầu BTCT khe Chà Cóp; HM: Cầu và đường dẫn vào đầu cầu; Địa điểm: thôn 58 xã Đắc Pre		3,500		1,915	
2	Trường mẫu giáo liên xã Đắc Pring - Đắc Pre, (điểm trường thôn 56A-56B;)HM: nhà vệ sinh giáo viên		350		184	
3	Trường PTDTBT tiểu học liên xã Đắc Pring - Đắc Pre, (điểm trường thôn 57-58;)HM: 02 phòng học		900		401	
<i>g</i>	<i>Xã Đắc Pring</i>		4,845	-	2,500	
1	Đường ngõ xóm thôn 48 (từ nhà ông Đoát Điều đến nhà ông Zrâm Khôn)		1,600		663	
2	Trường PTDTBT THCS liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; Hạng mục: 06 phòng hiệu bộ, 02 nhà vệ sinh		2,045		1,208	
3	Trường PTDTBT TH liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; Hạng mục: nhà vệ sinh học sinh, nhà vệ sinh giáo viên		1,200		629	

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Dự kiến Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>h</i>	<i>Xã Zuoih</i>		5,200	-	2,500	
1	Đường bê tông Tổ 6 thôn Công Dồn (đoạn từ nhà Pơ Long Diệu đi TT Thôn đến nhà Bling Bi)		3,300		1,432	
2	Khu thể thao xã Zuoih; HM: Khán đài,		500		270	
3	Trường mẫu giáo Chà Vải - Zuoih; HM: bếp ăn, nhà công vụ giáo viên; Địa điểm: Thôn Công Dồn, xã xã Zuoih		900		513	
4	Trường PTDTBT Tiểu học Zuoih; HM: Tường rào, cổng ngõ; Địa điểm: Thôn Pà Rum A, xã Zuoih		500		285	
<i>k</i>	<i>Xã La Dêê</i>		4,500	-	2,500	
1	Khu thể thao thôn (thôn số 1)		500		77	
2	Khu thể thao thôn (thôn số 2)		500		77	
3	Khu thể thao thôn (thôn số 3)		500		77	
4	Trường mẫu giáo xã La Dêê HM: 02 phòng học, Nhà bếp, nhà ăn cho học sinh, 2 phòng công vụ giáo viên, nhà vệ sinh; Địa điểm: thôn Đắc Ôôc, xã La Dêê		3,000		2,269	
<i>l</i>	<i>Xã La Êê</i>		6,740	-	2,500	
1	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Đắc Ngọt, xã La Êê		4,640		1,842	
2	Trường PTDTBT THCS liên xã La Êê - Chơ Chun; HM: Nhà đa năng; Địa điểm: Thôn Pà Ooi, xã La Êê		2,100		658	
<i>m</i>	<i>Xã Chơ Chun</i>		3,640	-	2,500	
1	Hệ thống nước sinh hoạt cụm dân cư Grat thôn B Lăng, xã Chơ Chun .		2,340		1,622	
2	Trường tiểu học Chơ Chun, (điểm trường thôn B Lăng) HM: 4 phòng công vụ giáo viên		1,300		878	
IV	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (chưa có đề án và danh mục công trình)		230,000		60,000	